

Số: 3367/QĐ-ĐHSP

Thái Nguyên, ngày 21 tháng 8 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Bộ khung chương trình giáo dục đại học trình độ đại học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 4/4/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 08/2014/TT-BGDĐT ngày 20/03/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/04/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 2424/QĐ-ĐHTN ngày 22/10/2015 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định nhiệm vụ và quyền hạn của Đại học Thái Nguyên, các cơ sở giáo dục đại học thành viên và đơn vị trực thuộc;

Căn cứ Quyết định số 408/QĐ-ĐHTN ngày 22/04/2013 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 346/QĐ-ĐHSP ngày 16 tháng 02 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm;

Căn cứ Quy định Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 3030/QĐ-ĐHSP ngày 01/08/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành Bộ khung chương trình giáo dục đại học, trình độ đại học của Trường Đại học Sư phạm (có khung chương trình kèm theo).

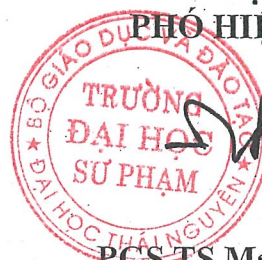
Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký; Bộ khung chương trình này áp dụng đào tạo cho khoá 53 (tuyển sinh năm 2018).

Điều 3: Các ông (bà) Trưởng Phòng Đào tạo; Trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm căn cứ Quyết định thi hành. / *Tư duy*

Nơi nhận:

- ĐHTN (để b/c);
- Phó Hiệu trưởng phụ trách (để b/c);
- Các đơn vị trong trường (để t/h);
- Website Trường;
- Lưu ĐT, VT. *h*

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS Mai Xuân Trường

DANH SÁCH KHUNG CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

(Kèm theo Quyết định số: 3367/QĐ-ĐHSP, ngày 21 tháng 8 năm 2018
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm).

1. Chương trình đào tạo Sư phạm Toán học
2. Chương trình đào tạo Sư phạm Tin học
3. Chương trình đào tạo Sư phạm Vật lý
4. Chương trình đào tạo Sư phạm Khoa học tự nhiên
5. Chương trình đào tạo Sư phạm Hoá học
6. Chương trình đào tạo Sư phạm Ngữ văn
7. Chương trình đào tạo Sư phạm Lịch sử
8. Chương trình đào tạo Sư phạm Địa lý
9. Chương trình đào tạo Sư phạm Sinh học
10. Chương trình đào tạo Giáo dục thể chất
11. Chương trình đào tạo Giáo dục chính trị
12. Chương trình đào tạo Sư phạm Tâm lý – Giáo dục
13. Chương trình đào tạo Tâm lý học trường học
14. Chương trình đào tạo Quản lý giáo dục
15. Chương trình đào tạo Giáo dục Mầm non
16. Chương trình đào tạo Giáo dục Tiểu học
17. Chương trình đào tạo Giáo dục Tiểu học - Tiếng Anh
18. Chương trình đào tạo Sư phạm Tiếng Anh

Danh sách gồm 18 khung chương trình đào tạo./.

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC K53

Tên chương trình: Sư phạm Ngữ văn

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Sư phạm Ngữ văn

Loại hình đào tạo: Chính quy

(Ban hành theo Quyết định số: 3367/QĐ-ĐHSP, ngày 21 tháng 8 năm 2018

của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm).

TT	Mã số	Môn học	Số TC	Loại giờ tín chỉ					HP tiên quyết	HP học trước	Học kỳ dự kiến
				Lên lớp							
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Thảo luận	Thực tế CM			
1. Kiến thức giáo dục đại cương			24								
Các học phần bắt buộc			22								
1	MLP151N	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin	5	40	30	20	20				1
2	HCM121N	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	15	10	10	10				5
3	VCP131N	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	22,5	15	15	15			HCM121N	7
4	EDL121N	Pháp luật đại cương	2	20	5	5	10			MLP151N	3
5	ENG131N	Tiếng Anh 1	3	15	15	30	15				2
6	ENG132N	Tiếng Anh 2	3	15	15	30	15			ENG131N	3
7	ENG143N	Tiếng Anh 3	4	20	20	40	20			ENG132N	4
8	PHE111M	Giáo dục thể chất 1									1
9	PHE112M	Giáo dục thể chất 2								PHE111M	2
10	PHE113M	Giáo dục thể chất 3								PHE112M	3
11	MIE131M	Giáo dục quốc phòng		05 tuần tập trung							4
Các học phần tự chọn			2								
12	GME121N	Quản lý hành chính nhà nước và Quản lý ngành	2	15	10	12	8				7
13	VIU121N	Tiếng Việt thực hành	2	15	15	15					2
14	GIF121N	Tin học đại cương	2	15		30					2
15	EDE121N	Môi trường và phát triển	2	20	8		12				2
16	HIC221N	Lịch sử văn minh thế giới	2	20	8		12				2

17	GSO121N	Xã hội học đại cương	2	20	8		12				2
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			72								
2.1. Kiến thức cơ sở ngành			10								
Các học phần bắt buộc			8								
18	VCF121N	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	21	4	6	8				1
19	BLG221N	Cơ sở ngôn ngữ học	2	21	4	6	8				1
20	GAE221N	Mỹ học và nguyên lý lý luận văn học	2	21	4	6	8				1
21	SMP221N	Phương pháp nghiên cứu khoa học Ngữ văn	2	21	4	6	8				3
Các học phần tự chọn			2								
22	PRO221M	Thi pháp học	2	21	4	6	8			LWG331M	6
23	MVL221N	Âm nhạc, nghệ thuật tạo hình với văn học	2	15		30				GAE221N	4
24	PPE221N	Thực tế văn học	2	10	10	20	10				5
2.2. Kiến thức ngành			62								
Các học phần bắt buộc			52								
25	LWG331N	Tác phẩm và thể loại văn học	3	31	6	10	12			GAE221N	2
26	LIP331N	Tiến trình văn học	3	31	6	10	12			LWG331N	3
27	VPV331N	Ngữ âm – Từ vựng tiếng Việt	3	31	6	10	12			BLG221N	3
28	VMG341N	Ngữ pháp tiếng Việt	4	42	8	12	16			VPV331M	5
29	PVS331N	Ngữ dụng – Phong cách học tiếng Việt	3	31	6	10	12			VMG341M	6
30	WRI331M	Làm văn	3	31	6	10	12				4
31	SVV321M	Từ Hán Việt	2	21	4	6	8				4
32	VIF341N	Văn học dân gian Việt Nam	4	42	8	12	16				1
33	MVL331M	Tổng quan văn học Việt Nam trung đại	3	31	6	10	12				2
34	AML331M	Tác gia văn học Việt Nam trung đại	3	31	6	10	12			MVL331M	3
35	ITM321M	Minh giải văn bản văn học Việt Nam trung đại	2	21	4	6	8			MVL331M	4
36	EVL331M	Tổng quan văn học Việt Nam hiện đại	3	31	6	10	12				5
37	AVL331M	Tác gia văn học Việt Nam giai đoạn từ 1900 đến 1945	3	31	6	10	12			EVL331M	6
38	AVL332M	Tác gia văn học Việt Nam giai đoạn từ 1945 đến nay	3	31	6	10	12			AVL331M	7
39	CHL321M	Văn học Trung Quốc	2	21	4	6	8				4

40	RSL321N	Văn học Nga	2	21	4	6	8				5
41	WEL341M	Văn học phương Tây	4	42	8	12	16				6
42	IJL321N	Văn học Ấn Độ - Nhật Bản	2	21	4	6	8				3
Các học phần tự chọn			10								
Tự chọn 1			10								
43	ITW321M	Vận dụng lý thuyết liên văn bản trong dạy học tác phẩm văn học	2	15	15	15				LIP331M	6
44	TVI321M	Dạy học Tiếng Việt ở trường phổ thông	2	15	15	15				PVS331N	7
45	TSV321M	Dạy học từ Hán Việt ở trường phổ thông	2	15	15	15				SVV321M	6
46	TFL321M	Dạy học văn học dân gian ở trường phổ thông	2	15	15	15				VIF341N	5
47	TML321M	Dạy học tác phẩm văn học trung đại ở trường phổ thông	2	15	15	15				MVL331M	6
48	TMS321M	Dạy học tác phẩm văn học Việt Nam hiện đại ở trường phổ thông	2	15	15	15				AVL332M	7
49	TFL321M	Dạy học văn học nước ngoài ở trường phổ thông	2	15	15	15				CHL321M RSL321M WEL341M IJL321M	7
50	LN321M	Văn học địa phương khu vực miền núi phía Bắc	2	21	4	6	8				6
Tự chọn 2			10								
51	WAC321M	Tiếp cận tác phẩm văn học từ các phạm trù thẩm mỹ	2	21	4	6	8			GAE221N LWG331N	5
52	MEL321M	Ngôn ngữ báo chí	2	21	4	6	8			PVS331N	7
53	LCP321M	Viết ngữ học với nghiệp vụ văn thư văn phòng	2	21	4	6	8			PVS331N	7
54	FCF321M	Điền dã, sưu tầm văn hóa dân gian	2	15				30		VIF341N	4
55	MLC321M	Văn học Việt Nam trung đại trong ngữ cảnh văn hóa Đông Bắc Á	2	21	4	6	8			AML331M	6
56	CVL321M	Văn học Việt Nam đương đại	2	21	4	6	8			AVL332M	7
57	CAD321M	Văn hóa và phát triển	2	21	4	6	8				2
58	POL321M	Văn học Hậu hiện đại thế giới	2	21	4	6	8			CHL321M RSL321N WEL341M IJL321N	7

3. Kiến thức nghiệp vụ sư phạm			32								
Các học phần bắt buộc			28								
59	EPS331M	Tâm lý học giáo dục	3	30		15	15				1
60	PEP341M	Giáo dục học	4	42	8	12	16			EPS331M	2
61	COS321M	Giao tiếp sư phạm	2	15	8	18	4				3
62	DPC421M	Phát triển chương trình môn Ngữ văn	2	15	10	12	8				4
63	TPT431M	Lý luận dạy học Ngữ văn	3	24	11	12	10	9			4
64	ETP421M	Đánh giá trong dạy học Ngữ văn	2	15	10	12	8			TPT431M	5
65	TPC431M	Dạy học Ngữ văn theo định hướng phát triển năng lực	3	24	15	15	12			TPT431M	6
66	PEP421M	Thực hành sư phạm 1	2	10	5	30	5				2
67	PEP422M	Thực hành sư phạm 2	2	10	5	30	5			TPT431M	7
68	TRA421M	Thực tập sư phạm 1	2	03 tuần ở Trường phổ thông						PEP341M	5
69	TRA432M	Thực tập sư phạm 2	3	07 tuần ở Trường phổ thông					TRA421M	TPT431M	8
Các học phần tự chọn			4								
70	ITP421M	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Ngữ văn	2	15	8	15	7			TPT431M	5
71	TLT421M	Dạy học Lý luận văn học ở trường phổ thông	2	15	10	12	8			TPT431M	5
72	SRT421M	Nghiên cứu khoa học trong dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông	2	15	10	12	8				7
73	OTC421M	Tổ chức hoạt động trải nghiệm môn Ngữ văn	2	15	10	12	8			TPT431M	7
74	APW421M	Tổ chức hoạt động rèn luyện kỹ năng viết văn nghị luận ở trường phổ thông	2	15	10	12	8			TPT431M	7
4. Khóa luận tốt nghiệp, các học phần thay thế khóa luận			7								
75	LIT971M	Khoá luận tốt nghiệp	7								8
Các học phần thay thế khóa luận			7								
Tự chọn 1 (chọn 7 TC: 1 môn Phương pháp + 1 môn Văn học + 1 môn Ngôn ngữ)			7								
76	TTB931M	Dạy học văn bản văn học ở trường phổ thông	3	24	15	15	12			TPT431M	8
77	TEP931M	Dạy học chuyên đề tự chọn môn Ngữ văn	3	24	15	15	12			TPT431M	8

78	TTC931M	Dạy học văn bản thông tin ở trường phổ thông	3	24	15	15	12			TPT431M	8
79	CEL921N	Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số trong mối quan hệ với văn hóa	2	21	4	6	8			PVS331N	8
80	IFC921M	Giải mã văn học dân gian từ mã văn hóa	2	21	4	6	8			VIF341N	8
81	TTS921M	Thơ mới và dạy Thơ mới ở trường phổ thông	2	21	4	6	8			EVL331M	8
Tự chọn 2 (chọn 3 học phần đủ 07 TC)			7								
82	ALW921M	Ứng dụng lí thuyết ngôn ngữ trong nghiên cứu tác phẩm văn chương	2	21	4	6	8			PVS331N	8
83	FLI921M	Tiếp cận văn học dân gian từ góc độ nghiên cứu liên ngành	2	21	4	6	8			VIF341N	8
84	CML921M	Văn hóa truyền thống trong văn học Việt Nam trung đại	2	21	4	6	8			AML331M	8
85	I.II.931M	Văn học và đời sống	3	30	10	10	10			AVL331M	8
86	PCW931M	Đề án viết sáng tạo	3	15	15	30	15			LWG331N	8
Tổng cộng			135								

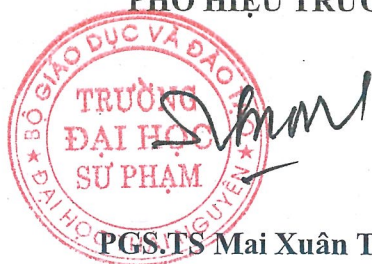
Ghi chú: Tổng số 135 tín chỉ (không bao gồm các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng).

Thái Nguyên, ngày 21 tháng 8 năm 2018

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PHÒNG ĐÀO TẠO

BAN CHỦ NHIỆM KHOA



PGS.TS Mai Xuân Trường

PGS.TS Nguyễn Phúc Chính

P. Trưởng Khoa

Ngô Thị Thuý

